

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NGỌC HIỂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HNGĐ-ST

Ngày 21-12-2021

V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGỌC HIỂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Tạ Mỹ Hạnh.

Ông Hà Bảo Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Thế Bắc là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau.

Ngày 21 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ngọc Hiển xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 126/2021/TLST – HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2021 về tranh chấp xin ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Chung Thị N, sinh năm 1988 (vắng mặt).

Cư trú tại: Ấp N, xã V, huyện N, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Anh Lương Hoàng K, sinh năm 1989 (có mặt).

Cư trú tại: Khóm R, thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 31/5/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Chung Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lương Hoàng K tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm dẫn đến cự cãi, tính tình không hợp nhau, gia đình hai bên đã hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lương Hoàng K.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Lương Thùy D, sinh năm 2010 và Lương Hoàng Kh, sinh năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng anh K. Sau khi ly hôn chị đồng ý giao cháu D và Kh cho anh K tiếp tục nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Lương Hoàng K trình bày:

Về hôn nhân: Anh và chị N tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N. Trong thời gian chung sống vợ chồng thường hay bất đồng ý kiến, tính tình không hợp nhau dẫn đến việc cự cãi. Hiện tại anh chị đã sống ly thân. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên chị N yêu cầu ly hôn anh đồng ý.

Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Lương Thùy D, sinh năm 2010 và Lương Hoàng Kh, sinh năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng anh. Sau khi ly hôn anh đồng ý nuôi cháu D và Kh nếu hai cháu có nguyện vọng sống cùng anh và không yêu cầu cấp dưỡng.

Về chia tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị N yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Tại phiên tòa anh K bảo lưu quan điểm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Chị Chung Thị N có đơn đề nghị vắng mặt nên căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chung Thị N.

[2] Về hôn nhân: Chị Chung Thị N và anh Lương Hoàng K tìm hiểu, tự nguyện kết hôn với nhau vào năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn R, huyện N, tỉnh Cà Mau theo giấy chứng nhận kết hôn số 76 năm 2010 đây là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật công nhận là vợ chồng. Chị N nhận thấy cuộc sống của anh chị có nhiều bất hòa, hôn nhân không còn hạnh phúc nên chị N yêu cầu ly hôn, anh K đồng ý. Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn trong cuộc sống vợ chồng của chị N và anh K là có xảy ra, giữa vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn được, nếu duy trì hôn nhân cũng không đem lại hạnh phúc cho anh chị. Xét thấy, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Chung Thị N, chị N được ly hôn với anh Lương Hoàng K.

[3] Về nuôi con chung: Gồm có 02 người tên Lương Thùy D, sinh năm 2010 và Lương Hoàng Kh, sinh năm 2014. Hiện các cháu đang ở cùng anh K. Sau khi ly hôn chị N, anh K đồng ý để anh K tiếp tục nuôi cháu D và Kh nếu hai cháu có nguyện sống cùng anh K và không yêu cầu cấp dưỡng. Cháu D và Kh đều có nguyện vọng sống cùng anh K. Hội đồng xét xử tôn trọng ý kiến của cháu D và Kh, anh K đủ điều kiện để nuôi con nên căn cứ Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình để anh K tiếp tục nuôi Lương Thùy D, sinh năm 2010 và Lương Hoàng Kh, sinh năm 2014. Đương sự không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên không đặt ra xem xét. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

[4] Về chia tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[5] Án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án thì án phí dân sự sơ thẩm chị Chung Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019789 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ngọc Hiển được chuyển thu.

[6] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị Chung Thị N.

Căn cứ Điều 56; Điều 81; Điều 82 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Chung Thị N, chị Chung Thị N được ly hôn với anh Lương Hoàng K.

Về nuôi con chung: Anh Lương Hoàng K được tiếp tục nuôi cháu Lương Thùy D, sinh năm 2010 và Lương Hoàng Kh, sinh năm 2014.

Chị Chung Thị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở nhưng không được lạm dụng quyền thăm con để gây ảnh hưởng đến việc nuôi con của anh Lương Hoàng K.

Về chia tài sản: Không đặt ra xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm chị Chung Thị N phải chịu 300.000 đồng. Chị N đã dự nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền số 0019789 ngày 07/6/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Ngọc Hiền;
- Chi cục THADS huyện Ngọc Hiền;
- UBND thị trấn R, huyện N;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Mỹ Phương